TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 49/2023/QĐST - DS	*Bình Tân, ngày 23 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Ngọc T**, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ I, ấp K, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

+ Chị **Lê Thị Hồng T1**, sinh năm 1979

+ Chị **Lê Thị Mộng T2**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Tổ I, ấp K, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị **Lê Hồng P**, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ I, ấp K, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận cho ông Lê Ngọc T được sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế thuộc tách 41-3 bằng 698,3m^2 *(trong đó có 100m^2 đất ở nông thôn và 598,3m^2 đất trồng cây lâu năm)* và 64-2 diện tích 2.709,7m^2 loại đất lúa.

- Công nhận cho chị Lê Thị Mộng T2 được sử dụng phần đất theo diện tích đo đạc thực tế thuộc tách 41-2 diện tích bằng 251,5m^2 *(trong đó có 100m^2 đất ở nông thôn và 151,5m^2 đất trồng cây lâu năm).*

- Công nhận cho chị Lê Thị Hồng T1 được sử dụng phần đất theo diện tích đo đạc thực tế thuộc tách 41-1 bằng 247,9m^2 *(trong đó có 100m^2 đất ở nông thôn và 147,9m^2 đất trồng cây lâu năm).*

- Công nhận cho chị Lê Ngọc P1 được sử dụng phần đất theo diện tích đo đạc thuộc tách 64-1 bằng 2.161,9m^2 loại đất lúa và thửa 42 diện tích 478,5m^2 loại đất lúa, tờ bản đồ số 9 *(thửa 42 được công nhận theo diện tích trên thực tế khi đo đạc – nếu có yêu cầu).*

Các phần đất do Hộ ông Lê Ngọc T đứng tên, tọa lạc tại tổ I, ấp K, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 26/7/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V).

Các đương sự có quyền đăng ký điều chỉnh quyền sử dụng đất được công nhận (nêu trên) tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

* Về chi phí thẩm định tại chỗ: 6.093.000đ *(ông Lê Ngọc T đã nộp tạm ứng xong).*

- Ông Lê Ngọc T tự nguyện nộp 3.048.000đ (đã nộp xong).

- Chị Lê Hồng P tự nguyện nộp 1.524.000đ để hoàn trả ông Lê Ngọc T.

- Chị Lê Thị Mộng T2 và chị Lê Thị Hồng T1 mỗi người tự nguyện nộp 762.000đ để hoàn trả ông Lê Ngọc T.

* Về án phí dân sự sơ thẩm *(giá đất ONT là 300.000đ/m^2; giá đất CLN là 71.000đ/m; giá đất LUC là 60.000đ)*:

- Miễn án phí cho ông Lê Ngọc T (là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn án phí).

- Chị Lê Thị Hồng T1 tự nguyện nộp 506.000đ *(năm trăm lẽ sáu nghìn đồng).*

- Chị Lê Thị Mộng T2 tự nguyện nộp 509.400đ *(năm trăm lẽ chín nghìn bốn trăm đồng).*

- Chị Lê Hồng P tự nguyện nộp 1.980.300đ *(một triệu chín trăm tám mươi nghìn ba trăm đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01
- VKSND huyện Bình Tân: 01
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01
- Các đương sự: 04;
- Lưu: 04.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai